

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2019/DS-PT
Ngày: 12 - 3 - 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.
Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 299/2018/DS-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Tiêu Thị M, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Hồ Thị N, sinh năm 1976 (xin vắng mặt) (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/8/2018).

Địa chỉ: số B, N, phường S, Tp.M, Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* bị đơn Tiêu Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 20/5/2017 âm lịch, chị cho chị M vay số tiền 105.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận 01 tháng chị M trả tiền, nhưng chị M chỉ trả cho chị T số tiền vốn 30.000.000 đồng, không có trả tiền lãi. Hiện nay chị M còn nợ chị 75.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị M trả tiền nhưng chị M không trả. Số tiền 75.000.000 đồng chị M nợ là tiền vay không phải tiền hui.

Trước thời gian trên, chị với chị M có tham gia góp hui do chị làm thảo hui, nhưng hiện nay chị M không có nợ tiền hui của chị. Tại phiên tòa, chị yêu cầu chị M trả lại cho chị số tiền 75.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng của số tiền trên tính từ ngày 20/5/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Chị Hồ Thị N - đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Tiêu Thị M trình bày: Chị M có tham gia góp hui với chị T do chị Thu làm thảo hui, đến khi mãn hui chị M chưa trả tiền hui cho chị T, nên ngày 20/5/2017 âm lịch chị M với chị T đối chiếu lại nợ thì chị M nợ chị T số tiền 105.000.000 đồng và thỏa thuận chuyển thành tiền vay, có làm giấy viết tay. Chị M có trả cho chị T được 30.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại chị T 75.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thất bại, nên chưa trả tiền cho chị T. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N trình bày chị M đồng ý trả cho chị T 75.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ và yêu cầu miễn trả tiền lãi cho chị T. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* Bản án sơ thẩm số: 299/2018/DSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Tiêu Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 83.906.250 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí:

+ Chị M phải nộp 4.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại chị T tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng theo biên lai thu số 39570 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò C.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 23/10/2018, bị đơn chị Tiêu Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu được trả nợ dần cho chị T mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 75.000.000 đồng, xin không trả lãi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của chị M.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của chị M không được chị T đồng ý và chị M cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị M, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn xin vắng mặt của chị Hồ Thị N - đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Tiêu Thị M và đơn kháng cáo của chị M trình bày: Chị M đồng ý trả cho chị T số tiền 75.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian trả tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ và xin miễn trả tiền lãi. Chị N, chị M không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Chị T không đồng ý theo yêu cầu của chị M và chị N. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Tiêu Thị M.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Tiêu Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của chị M không được chấp nhận nên chị M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Tiêu Thị M.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 299/2018/DSST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Tiêu Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 83.906.250 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Chị M phải nộp 4.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại chị T tiền tạm ứng án phí 1.875.000 đồng theo biên lai thu số 39570 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Án phí phúc thẩm:

Chị Tiêu Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 39811 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G;
 - THADS huyện G;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2019-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn